

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-7-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN- TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bích Hiền

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Việ

Bà Nguyễn Thị Bích Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Đại diện VKSND thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên hai Nguyên tham gia phiên tòa ông Vũ Xuân Đại chức vụ Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 764/2021/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 19/5/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Bích H, sinh năm 1974

Nơi thường trú: số X, tổ 1X, phường PĐP, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1969

Nơi thường trú: số X, tổ 1X, phường PĐP, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 15/10/2021 và đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, biên bản hoà giải, nguyên đơn chị Bùi Thị Bích H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Ch được tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện P, tỉnh Thái Nguyên vào năm 1996. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc, hòa thuận mặc dù cuộc sống ban đầu có khó khăn, vất vả, đến khoảng năm 2013 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, rạn nứt về tình cảm, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng dần có khoảng cách với nhau. Mâu thuẫn ngày càng tăng lên làm cho cuộc sống hôn nhân ngày càng trầm trọng, bế tắc, không hòa hợp được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013, đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ch

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa chị và anh Ch có 02 con chung là Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 29/01/1998 hiện nay cháu N đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết và cháu Nguyễn Thùy Tr, sinh ngày 19/8/2007, khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung là Nguyễn Thùy Tr, chị không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Quá trình nộp đơn khởi kiện và bản tự khai cũng như quá trình hòa giải chị H xác định vợ chồng có tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 89, tờ bản đồ số 32, diện tích 301,3m², trong đó 160m² đất ở tại đô thị và 141,3m² đất trồng cây lâu năm, có địa chỉ tại phường PDP, thành phố T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 403... do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 22/7/2019 mang tên Nguyễn Văn Ch và Bùi Thị Bích H, ngoài ra còn có tài sản trên đất trên chị xác định vợ chồng tự thỏa thuận tuy nhiên do hiện nay mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đồng thời đang làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chưa thể đến văn phòng công chứng thỏa thuận việc chia tài sản được, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản chung.

Về công nợ chung: chị H xác định vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Nguyễn Văn Ch xác định: Quá trình kết hôn, chung sống như H trình bày, sau khi kết hôn mặc dù cuộc sống khó khăn nhưng vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó qua nhiều biến cố của gia đình, tình cảm của hai vợ chồng bắt đầu có sự mâu thuẫn, mỗi người đều có những suy nghĩ và cái tôi cá nhân nên cả hai bắt đầu đều cảm thấy mệt mỏi, không còn chia sẻ với nhau, đã có lần chị H nộp đơn ly hôn nhưng vì thương các con còn nhỏ, mẹ anh già yếu nên anh đã khuyên chị H cố gắng vì các con, vì gia đình nên chị H cũng rút đơn ly hôn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, tuy vẫn sống chung nhà nhưng không ai còn quan tâm đến ai, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí giải quyết ly hôn.

Về con chung: Xác định vợ chồng có 02 con chung, Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 29/01/1998 hiện nay cháu N đã trưởng thành cháu muốn ở với ai cháu có toàn quyền quyết định, đối với cháu Nguyễn Thùy Tr, sinh ngày 19/8/2007 nhất trí chị H là người chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Anh Ch nhất trí ý kiến trình bày của chị H về phần tài sản chung vợ chồng, xác định vợ chồng tự thỏa thuận phân chia tài sản, trong trường hợp không phân chia được mới yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên trong quá trình vợ chồng chung sống không biết lý do gì thất lạc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chưa được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó đề nghị Tòa án tạm dừng giải quyết ly hôn để vợ chồng chia tài sản.

Về nợ chung: không có

Tại phiên tòa chị H giữ nguyên quan điểm khởi kiện và quá trình hòa giải đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, con chung như Tòa án đã thụ lý, về tài sản chung chị xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết đồng thời xuất trình hồ sơ cũng như giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả việc đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nguyễn Văn Ch và Bùi Thị Bích H. Anh Ch xác định tình cảm vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 đến nay tuy nhiên vì hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị thất lạc chưa rõ nguyên nhân nên gia đình chưa thỏa thuận được việc tách hộ và phân chia tài sản do đó anh đề nghị Tòa án xem xét phân chia tài sản vợ chồng như nội dung đơn anh nộp đơn đề nghị hoãn phiên tòa và phân chia tài sản ngày 11/7/2022.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp hành đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét theo giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Bích H. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị Bích H ly hôn với anh Nguyễn Văn Ch; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thùy Tr, sinh ngày 19/8/2007 cho chị Bùi Thị Bích H chăm sóc, nuôi dưỡng; Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Ch do chị H không yêu cầu, về nợ chung không có; về tài sản chung do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, bị đơn đến phiên tòa mới yêu cầu giải quyết nên giành quyền yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng bằng vụ án khác. Về án phí chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn Ch, có nơi thường trú: số nhà X, tổ 1X, phường PDP, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi thụ lý vụ án do các đương sự không thỏa thuận được giải quyết vụ án, căn cứ vào khoản 3 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố T quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Xét chị Bùi Thị Bích H và anh Nguyễn Văn Ch có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Qua lời khai

của các đương sự thấy giữa chị H và anh Ch đã có mâu thuẫn từ năm 2013, vợ chồng sống ly thân, thực tế chị H cũng đã làm đơn ly hôn sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái nhưng giữa chị H và anh Ch không có sự thay đổi, không có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong quá trình chung sống vẫn tiếp tục sống ly thân cho đến nay. Do đó Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân của chị H và anh Ch trong tình trạng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả 2 bên. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị H được ly hôn với anh Ch là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: chị H, anh Ch có 02 con chung Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 29/01/1998 và cháu Nguyễn Thùy Tr, sinh ngày 19/8/2007, xét cháu Nguyễn Hoàng N đã trưởng thành các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết, cháu Nguyễn Thùy Tr, sinh ngày 19/8/2007 hiện đang ở với chị H, cháu là con gái đồng thời chị H đề nghị được nuôi cháu Tr, không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con, anh Ch nhất trí ý kiến của chị H, cháu Trang có nguyện vọng được ở với mẹ do đó giao cháu Nguyễn Thùy Tr cho chị Bùi Thị Bích H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đảm bảo được quyền lợi mọi mặt cho con đồng thời phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Anh Nguyễn Văn Ch được quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị Bùi Thị Bích H và thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn Ch trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H xác định về điều kiện kinh tế chị đủ đảm bảo để nuôi dạy con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Ch cho đến khi chị H có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự xác định có tài sản chung là nhà và đất quyền sử dụng đất tại thửa đất số 89, tờ bản đồ số 32, diện tích 301,3m², trong đó 160m² đất ở tại đô thị và 141,3m² đất trồng cây lâu năm, có địa chỉ tại phường PDP, thành phố T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 4032xx do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 22/7/2019 mang tên Nguyễn Văn Ch và Bùi Thị Bích H ngoài ra còn có tài sản trên đất trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cả chị H và anh Ch đều xác định vợ chồng tự thỏa thuận, trong trường hợp không thỏa thuận được mới yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án nhân dân thành phố T không thụ lý phần tài sản chung của vợ chồng. Xét yêu cầu chia tài sản chung của anh Nguyễn Văn Ch tại đơn đề nghị ngày 12/7/2022 thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn Ch luôn xác định để vợ chồng tự thỏa thuận, không thỏa thuận được mới đề nghị Tòa án giải quyết thể hiện tại Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 29/12/2021;

ngày 19/5/2022 Biên bản làm việc ngày 24/3/2022 đồng thời ngày 19/5/2022 Thẩm phán ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, theo quy định khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự “Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải” do đó Tòa án nhân dân thành phố T không thụ lý giải quyết.

[7] Về công nợ chung: Các đương sự cùng xác định vợ chồng không nợ ai, không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị Bích H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị Bích H được ly hôn anh Nguyễn Văn Ch

2. Về con chung: Con chung Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 29/01/1998 đã thành niên (đủ 18 tuổi) không xem xét giải quyết.

2.1 Giao con chung Nguyễn Thùy Tr, sinh ngày 19/8/2007 cho chị Bùi Thị Bích H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

2.2 Anh Nguyễn Văn Ch được quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị Bùi Thị Bích H và thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn Ch trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Ch cho đến khi chị H có yêu cầu.

2.4 Trong trường hợp cần thiết, vì lợi ích của con chung, các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Công nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Bùi Thị Bích H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng

án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000751 ngày 29/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

6. Quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Bích H và anh Nguyễn Văn Ch được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. T
- Chi cục THADS thành phố T;
- UBND xã L, huyện P
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Bích Hiền